

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác
thi công xây lắp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2024/TLST-KDTM ngày 20/5/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác thi công xây lắp*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2024/QĐST-KDTM ngày 10/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần M.

Địa chỉ: Thôn C 1, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế H - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT và ông Huỳnh Công N - Chức vụ: Giám đốc.

(Ông Phạm Thế H ủy quyền cho ông Huỳnh Công N tham gia tố tụng tại Giấy ủy quyền ngày 04/7/2024).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV xây dựng C.

Địa chỉ: Số 1A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bé T - Chức vụ: Giám đốc.
(Tại phiên tòa, ông Nghiệp có mặt; bà Thúy vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty cổ phần M trình bày:

Ngày 12/7/2023, Công ty cổ phần M và Công ty TNHH MTV xây dựng C ký Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL, theo đó Công ty cổ phần M góp vốn 1.000.000.000 đồng để cùng Công ty TNHH MTV xây dựng C thực hiện thi công Dự án Trạm biến áp 220KV An Khê và đấu nối, Hạng mục tường chắn và xây dựng ngoài trời, Công ty TNHH MTV xây dựng C thỏa thuận chia lợi nhuận cho Công ty cổ phần M 375.000.000 đồng. Thực tế Công ty cổ phần M đã góp cho Công ty TNHH MTV C 429.806.000 đồng tiền mặt, 829.768.500 đồng tiền vật tư, 15.640.000 đồng tiền chờ đất, 50.260.000 đồng xe bê tông, 2.800.000 đồng tiền tăng ca trộn bê tông 56h, tổng cộng là 1.328.274.500 đồng (làm tròn là 1.328.000.000 đồng).

Sau khi ký hợp đồng, Công ty cổ phần M đã thực hiện việc góp vốn, tổ chức thi công xây dựng công trình theo yêu cầu và hoàn thành công trình theo đúng tiến độ do Công ty TNHH MTV xây dựng C đặt ra. Đến ngày 26/10/2023, Công ty cổ phần M và Công ty TNHH MTV xây dựng C tiến hành đối chiếu công nợ và ký vào biên bản xác nhận công nợ. Theo nội dung Biên bản xác nhận công nợ ngày 26/10/2023 thì tính đến hết ngày 28/10/2023 Công ty TNHH MTV xây dựng C còn nợ Công ty cổ phần M số tiền 1.482.000.000 đồng, Công ty TNHH MTV xây dựng C cam kết trả nợ số tiền trên cho Công ty cổ phần M thành 05 đợt:

- Đợt 1: Ngày 08/11/2023 trả 200.000.000 đồng.
- Đợt 2: Ngày 20/11/2023 trả 200.000.000 đồng.
- Đợt 3: Ngày 30/11/2023 trả 200.000.000 đồng.
- Đợt 4: Ngày 11/12/2023 trả 200.000.000 đồng.
- Đợt 5: Ngày 20/12/2023 đến ngày 31/12/2023 trả 682.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV xây dựng C không thực hiện đúng cam kết, không trả nợ số tiền 1.482.000.000 đồng cho Công ty cổ phần M. Công ty cổ phần M đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng C trả nợ nhưng Công ty TNHH MTV xây dựng C không đồng ý trả nợ.

Tại đơn khởi kiện, Công ty cổ phần M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng C thanh toán cho Công ty cổ phần M số tiền 1.482.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Công ty cổ phần M xác định: Sau khi lập Biên bản xác nhận công nợ ngày 26/10/2023, thì đến ngày 10/11/2023 Công ty TNHH MTV xây dựng C đã chuyển trả cho Công ty cổ phần M số tiền 100.000.000 đồng. Vào ngày 31/8/2024, Công ty TNHH MTV xây dựng C đã trả thêm cho Công ty cổ phần M số tiền 200.000.000 đồng.

Nay Công ty cổ phần M xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty cổ phần M chỉ yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng C trả cho Công ty cổ phần M số tiền 1.182.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với đề nghị phương án trả nợ của phía Công ty TNHH MTV xây dựng C thì Công ty cổ phần M không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH MTV xây dựng C trình bày:

Công ty TNHH MTV xây dựng C và Công ty cổ phần M có ký kết Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-07-23/CNHDXL ngày 12/7/2023 có nội dung Công ty TNHH MTV xây dựng C và Công ty cổ phần M hợp tác thi công “Dự án Trạm biến áp 220KV An Khê và đấu nối, Hạng mục tường chắn và xây dựng ngoài trời”, theo nội dung hợp đồng thì Công ty cổ phần M góp 1.000.000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 375.000.000 đồng. Thực tế Công ty cổ phần M đã góp cho Công ty TNHH MTV xây dựng C 429.806.000 đồng tiền mặt, 829.768.500 đồng tiền vật tư, 15.640.000 đồng tiền chở đất, 50.260.000 đồng xe bê tông, 2.800.000 đồng tiền tăng ca trộn bê tông 56h, tổng cộng là 1.328.274.500 đồng (làm tròn là 1.328.000.000 đồng).

Sau đó, Công ty TNHH MTV xây dựng C và Công ty cổ phần M đã thực hiện thi công xong “Dự án Trạm biến áp 220KV An Khê và đấu nối, Hạng mục tường chắn và xây dựng ngoài trời”. Đến ngày 26/10/2023, hai bên đã lập Biên bản xác nhận công nợ số 01/23/MA-CN/BBXNCN có nội dung Công ty TNHH MTV xây dựng C còn nợ Công ty cổ phần M số tiền 1.482.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Biên bản xác nhận công nợ số 01/23/MA-CN/BBXNCN thì Công ty TNHH MTV xây dựng C chưa tính toán cụ thể nên chưa phát hiện Dự án bị lỗ, nên nay Công ty TNHH MTV xây dựng C đề xuất trả cho Công ty cổ phần M số tiền thực góp 1.328.000.000 đồng sau khi khấu trừ số tiền Công ty TNHH MTV xây dựng C đã thanh toán 321.000.000 đồng (*bao gồm: ngày 17/10/2023 thanh toán 200.000.000 đồng; tiền cát thu hồi lại 18.000.000 đồng; tiền máy bơm gửi Quy Nhơn 3.000.000 đồng; ngày 10/11/2023 thanh toán 100.000.000 đồng*) là còn: 997.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền mặt 429.806.000 đồng đã góp từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,6%/tháng, đối với tiền lợi nhuận cam kết 375.000.000 đồng thì đề nghị Công ty cổ phần M miễn cho Công ty TNHH MTV xây dựng C.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M. Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần M với số tiền 1.182.000.000 đồng.

Công ty TNHH MTV xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo luật định. Hoàn trả lại 28.230.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng C phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL ngày 12/7/2023. Bị đơn là Công ty TNHH MTV xây dựng C có địa chỉ tại số 1A đường, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác thi công xây lắp*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV xây dựng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Tại phiên tòa, Công ty cổ phần M xác định lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng C thanh toán số tiền 1.182.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét việc Công ty cổ phần M thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng C phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL ngày 12/7/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH MTV xây dựng C thừa nhận giữa Công ty cổ phần M và Công ty TNHH MTV xây dựng C có ký Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL ngày 12/7/2023, theo đó Công ty cổ phần M đã góp vốn tổng cộng 1.328.274.500 đồng cho Công ty TNHH MTV xây dựng C để thực hiện “Dự án Trạm biến áp 220KV An Khê và đầu nối, Hạng mục tường chắn và xây dựng ngoài trời”, và cam kết trả tiền lợi nhuận cho Công ty cổ phần M 375.000.000 đồng.

Sau khi thực hiện xong dự án, vào ngày 26/10/2023 Công ty cổ phần M và Công ty TNHH MTV xây dựng C đã lập Biên bản xác nhận công nợ số 01/23/MA-CN/BBXNCN có nội dung: Theo Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL ngày 12/7/2023 thì Công ty cổ phần M được hưởng tiền góp vốn và lợi nhuận tổng cộng là 1.703.000.000 đồng (làm tròn); Công ty TNHH MTV xây dựng C đã thanh toán cho Công ty cổ phần M số tiền 221.000.000 đồng (*bao gồm: ngày 17/10/2023 thanh toán 200.000.000 đồng; tiền cát thu hồi lại 18.000.000 đồng; tiền máy bơm gửi Quy Nhơn 3.000.000 đồng*), nên Công ty TNHH MTV xây dựng C còn nợ Công ty cổ phần M số tiền 1.482.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH MTV xây dựng C trình bày do dự án bị lỗ nên chỉ đồng ý trả cho Công ty cổ phần M số tiền thực góp là 1.328.000.000 đồng sau khi khấu trừ số tiền Công ty TNHH MTV xây dựng C đã thanh toán 321.000.000 đồng (*bao gồm: ngày 17/10/2023 thanh toán 200.000.000 đồng; tiền cát thu hồi lại 18.000.000 đồng; tiền máy bơm gửi Quy Nhơn 3.000.000 đồng; ngày 10/11/2023 thanh toán 100.000.000 đồng*) là còn 997.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền mặt 429.806.000 đồng Công ty cổ phần M đã góp từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,6%/tháng, đối với tiền lợi nhuận 375.000.000 đồng thì đề nghị Công ty cổ phần M miễn cho Công ty TNHH MTV xây dựng C. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV xây dựng C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh dự án bị lỗ; mặt khác, công ty TNHH MTV xây dựng C cũng thừa nhận không có điều khoản thỏa thuận trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong trường hợp dự án bị thua lỗ tại Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL. Tại phiên tòa, Công ty cổ phần M cũng không đồng ý với đề xuất trả nợ của Công ty TNHH MTV xây dựng C.

[2.3] Tại Biên bản xác nhận công nợ số 01/23/MA-CN/BBXNCN, Công ty TNHH MTV xây dựng C cam kết sẽ trả số tiền 1.482.000.000 đồng cho Công ty cổ phần M thành 05 đợt, cụ thể: Ngày 08/11/2023 thanh toán 200.000.000 đồng, ngày

20/11/2023 thanh toán 200.000.000 đồng, ngày 30/11/2023 thanh toán 200.000.000 đồng, ngày 11/12/2023 thanh toán 200.000.000 đồng; ngày 20/12/2023 đến ngày 31/12/2023 sẽ thanh toán dứt điểm số tiền còn lại. Tuy nhiên, đến ngày 10/11/2023 Công ty TNHH MTV xây dựng C mới thanh toán được cho Công ty cổ phần M 100.000.000 đồng; sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến ngày 31/8/2024 Công ty TNHH MTV xây dựng C mới trả thêm được cho Công ty cổ phần M 200.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty TNHH MTV xây dựng C vi phạm cam kết trả nợ cho Công ty cổ phần M, nên Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng C trả nợ theo Hợp đồng hợp tác thi công xây lắp số 12-7-23/CN/HĐXL ngày 12/7/2023 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, buộc Công ty TNHH MTV xây dựng C có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M số tiền 1.182.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Công ty TNHH MTV xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.460.000 đồng.

Công ty cổ phần M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần M.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 275, 280, 385, 401, 504, 505, 507, 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M. Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng C phải trả cho Công ty cổ phần M số tiền 1.182.000.000 (Một tỉ, một trăm tám mươi hai triệu) đồng, Công ty cổ phần M không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí:

Công ty TNHH MTV xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.460.000 (Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí 28.230.000 (Hai mươi tám triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002804 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quang Hải